TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2019/HS-ST
Ngày 04-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 159/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xóm Th H, xã Ph L, huyện C L, tỉnh H T; chỗ ở: Phòng trọ số B, dãy trọ số 25/32 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; bị cáo có 02 anh ruột, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1986; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 07/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2015/HSST, chưa bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự, bị bắt tạm giam ngày 16/3/2019 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; thường trú: A12, đường T, khu phố B, phường L X, quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Dãy trọ số HB, đường số H, khu công nghiệp S Th 2, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:* Ông Đặng Qu, sinh năm 1955; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 16/3/2019, từ phòng trọ số 25/32 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, Trần Văn L mang theo 01 cây kìm thủy lực màu vàng dài 35cm, 01 cây đoản hình chữ "T" bằng kim loại dài 15cm, 02 đầu đoản dẹp bằng kim loại dài 10cm, 01 cây kim loại hình vuông màu vàng dài 10cm, tất cả bỏ trong áo khoác mặc trên người và đón xe mô tô chở khách (không rõ nhân thân, lai lịch) đến trước nhà trọ số HB, đường số H, khu công nghiệp S Th 2, khu phố B Đ 1, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương để tìm tài sản chiếm đoạt. Tại đây, L nhìn qua song cửa cổng dãy trọ thấy bên trong có nhiều xe mô tô ở hành lang nên L kêu xe mô tô chở khách đứng đợi ở gần đó để L vào gặp bạn nhưng mục đích là để chiếm đoạt xe mô tô. Lúc này, L đi bộ vào và luồn hai tay qua lổ cửa cổng, dùng kìm thủy lực mang theo cắt khóa, cắt khoảng 10 phút thì mở được ổ khóa cổng, tiếp đó L mở cửa cổng đi vào khoảng 03 mét thì nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen biển số 59X3-28985 của bà Nguyễn Thị T đang dựng quay đầu vào trong, cổ xe bị khóa và bánh trước xe cũng khóa bằng một sợi dây xích có ổ khóa. Thấy vậy, L tiếp tục dùng kìm thủy lực cắt ổ khóa của sợi dây xích rồi dùng chân đạp mạnh vào tay lái để phá cổ xe. Sau khi phá được khóa cổ xe, L cầm sợi dây xích xe và ổ khóa cổng đi ra vứt ở bụi cây gần đó (không thu hồi được) rồi đi lại trả cho xe mô tô chở khách 70.000 đồng và nói về trước còn L quay lại dãy trọ đẩy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen biển số 59X3-28985 về phòng trọ của L (do xe không nổ máy được), riêng cây kìm thủy lực và bộ đoản bẻ khóa L kẹp trong áo khoác bỏ ở chỗ chân xe mô tô biển số 59x3-28985. Ngoài ra, lúc thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 59x3-28985, L bỏ lại ở cổng dãy trọ 01 đôi dép nhựa màu đen có hai quay màu đỏ in chữ "PH".

Tại phòng trọ, L móc yên của xe mô tô biển số 59X3-28985 lên thì thấy trong cốp xe có 01 bóp da nữ chứa 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X3-28985, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ căn cước công dân, 02 thẻ bảo hiểm y tế, 01 sổ bảo hành xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, xe máy đều mang tên Nguyễn Thị T. Đến khoảng 04 cùng ngày, lực lượng Công an phường D A đến dãy trọ số 25/32 khu phố Th Nh 1, phường D A, thị xã D A, tỉnh Bình Dương kiểm tra, phòng trọ số 03 có 01 xe mô tô biển số 59X3-28985 nhưng không có giấy tờ xe nên L đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen biển số 59X3-28985, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326; 01 (một) cây kìm thủy lực màu vàng dài 35cm; 01 cây đoản hình chữ "T" bằng kim loại dài 15cm; 02 (hai) đầu đoản dẹp bằng kim loại dài 10cm; 01 (một) cây kim loại hình vuông màu vàng dài 10cm; 01 (một) bóp da nữ chứa 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X3-28985, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 (một) thẻ căn cước công dân, 02 (hai) thẻ bảo hiểm y tế, 01 (một) sổ bảo hành xe mô tô, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị T và 01 (một) đôi dép nhựa màu đen có hai quay màu đỏ in chữ "PH".

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 82/BB.ĐG ngày 21/3/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326, biển số 59X3-28985 có trị giá 25.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số 82/BB.ĐG ngày 21/3/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại Cáo trạng số 183/CT-VKS-DA ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Trần Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen biển số 59X3-28985, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326; 01 (một) bóp da nữ chứa 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X3-28985, 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, 01 (một) thẻ căn cước công dân, 02 (hai) thẻ bảo hiểm y tế, 01 (một) sổ bảo hành xe mô tô, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị T đã thu hồi trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T.

- Đối với 01 (một) kìm thủy lực bằng kim loại màu vàng dài 35cm, 01 (một) cây đoản hình chữ "T" bằng kim loại dài 15cm, 02 (hai) đầu đoản dẹp bằng kim loại dài 10cm, 01 (một) cây kim loại hình vuông màu vàng dài 10cm và 01 (một) đôi dép nhựa màu đen có hai quay màu đỏ in chữ "PH" là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị T đã nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326, biển số 59X3-28985 và không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 16/3/2019, tại dãy trọ số HB, đường số H, khu công nghiệp S Th 2, khu phố B Đ 1, phường A B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương, lợi dụng sơ hở, thiếu cảnh giác của bị hại Nguyễn Thị T, bị cáo Trần Văn L đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326, biển số 59X3-28985, trị giá 25.000.000 đồng (Theo biên bản Kết luận định giá tài sản số 82/BB.ĐG ngày 21/3/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương)

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d)Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ)Tài sản là di vật, cổ vật."

[2] Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Trần Văn L đã lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326, biển số 59X3-28985, trị giá 25.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 183/CT-VKS-DA ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Trần Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội Cố ý gây thương tích, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đồng thời bị cáo nghiện ma túy nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo muốn kiếm tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu của bản thân mà bị cáo cố tình chiếm đoạt tài sản của bị hại đồng thời bị cáo có 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người nghiện ma túy, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên, bị cáo là người không có nghề

nghiệp ổn định, áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen biển số 59X3-28985, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326; 01 (một) bóp da nữ chứa 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X3-28985, 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, 01 (một) thẻ căn cước công dân, 02 (hai) thẻ bảo hiểm y tế, 01 (một) sổ bảo hành xe mô tô, 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị T đã thu hồi trả lại cho bị hại Nguyễn Thị T là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) kìm thủy lực bằng kim loại màu vàng dài 35cm, 01 (một) cây đoản hình chữ "T" bằng kim loại dài 15cm, 02 (hai) đầu đoản dẹp bằng kim loại dài 10cm, 01 (một) cây kim loại hình vuông màu vàng dài 10cm và 01 (một) đôi dép nhựa màu đen có hai quay màu đỏ in chữ "PH" là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Th đã nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha Janus màu đen, số máy E3Y8E074330, số khung C820JY074326, biển số 59X3-28985 và bị hại không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/3/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) kìm thủy lực bằng kim loại màu vàng dài 35cm, 01 (một) cây đoản hình chữ "T" bằng kim loại dài 15cm, 02 (hai) đầu đoản dẹp bằng kim loại dài 10cm, 01 (một) cây kim loại hình vuông màu vàng dài 10cm và 01 (một) đôi dép nhựa màu đen có hai quay màu đỏ in chữ "PH".

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**